TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thanh Hùng;
Ông Nguyễn Văn Sĩ.
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đục - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Không tham gia.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn C, sinh năm 1973.
Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2018; biên bản hòa ngày 24/5/2018 và tại phiên toà ông Lâm Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu T tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu sống rất hạnh phúc và có sinh được hai đứa con chung tên Lâm Dỹ K, sinh ngày 08/5/2001 và Lâm Gia K, sinh ngày 06/01/2009. Đến tháng 2/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến anh và chị T ly thân với nhau từ

tháng 5/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cha mẹ hai bên có hàn gắn cho vợ chồng chung sống lại với nhau nhưng không được.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Dỹ K, sinh ngày 08/5/2001 và Lâm Gia K, sinh ngày 06/01/2009 hiện nay đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 10/5/2018; biên bản hòa ngày 24/5/2018 chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Thừa nhận chị với anh Lâm Văn C tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2000, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có sinh được hai đứa con chung tên Lâm Dỹ K, sinh ngày 08/5/2001 và Lâm Gia K, sinh ngày 06/01/2009, về sau trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm do cãi nhau mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được và đã ly thân với nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay.

Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị đồng ý theo yêu cầu của anh C.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lâm Dỹ K, sinh ngày 08/5/2001 và Lâm Gia K, sinh ngày 06/01/2009 hiện nay đang sống với anh C, khi ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lâm Văn C với chị Nguyễn Thị Thu T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Văn C với chị Nguyễn Thị Thu T là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh C và chị T có sinh được 02 con chung tên Lâm Dỹ K, sinh ngày 08/5/2001 và Lâm Gia K, sinh ngày 06/01/2009 hiện nay đang sống với anh C. Tại phiên toà, anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, chị T cũng thống nhất giao cháu K và cháu K cho anh C nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh C và chị T ly thân cho đến nay, cháu K và cháu K do anh C nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh C vẫn đảm bảo cho 02 cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại bản khai ngày 13/6/2018 cháu K và cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh C, nghĩ nên tiếp tục giao cháu K và cháu K cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung, do anh C không yêu cầu.

Chị T được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa anh C và chị T đều trình bày anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lâm Văn C với chị Nguyễn Thị Thu T.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của anh Lâm Văn C với chị Nguyễn Thị Thu T tên Lâm Dỹ K, sinh ngày 08/5/2001 và Lâm Gia K, sinh ngày 06/01/2009, cho anh C nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thu T không cấp dưỡng nuôi con do anh Cảnh không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Anh Lâm Văn C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003732 ngày 09/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ